

Bản án số: 24/2026/HS-ST
Ngày : 08/4/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Hùng.

Hội thẩm nhân dân: bà Vi Thị Nghiêm, ông Nguyễn Quang Đạc

- **Thư ký phiên tòa:** bà Vi Bảo Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** ông Ngô Minh Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2026/TLST-HS ngày 12/02/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HS ngày 17/3/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2026/HSST- QĐ ngày 30/3/2026 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Hoàng Văn B; sinh ngày 15/11/1990, tại xã Đ, Quảng Ninh. Số CCCD: 022090011426, cấp ngày: 23/01/2024, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH. Nơi cư trú: thôn X, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Hoàng Văn N và bà Đỗ Thị L; vợ, con: chưa; tiền án: Ngày 22/8/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 09 năm tù, về tội “mua bán người”, 10 năm tù về tội “Mua bán trẻ em”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/01/2024; chưa chấp hành xong phần thi hành án dân sự. Tiền sự: không. Bị cáo đầu thú ngày 11/11/2025, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Thi Văn T; sinh ngày 20/6/1995; tại xã Đ, Quảng Ninh. Số CCCD: 022095007929, cấp ngày: 26/8/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH. Nơi cư trú: thôn X, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Thi Văn N1 và bà Bùi Thị K; vợ: Chảo Thị M; có 01 con sinh năm 2024. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: ngày 30/12/2015, Tòa án nhân dân huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 09 tháng tù, thời hạn tù từ ngày bắt 04/12/2015 về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/9/2016

+ Ngày 18/10/2018, Tòa án nhân dân huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 24 tháng tù, thời hạn tù từ ngày đi thi hành án được trừ những ngày tạm giam

từ ngày 28/6/2018 đến ngày 13/10/2018 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/4/2020. Bị cáo đầu thú ngày 06/11/2025, hiện tạm giam Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Văn L1; sinh ngày 26/7/1988; tại Đ, Quảng Ninh. Số CCCD: 022088002727, cấp ngày: 26/8/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH. Nơi cư trú: thôn L, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Lê Văn T1 và bà Đinh Thị P; vợ: Đặng Thị H; con: có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đầu thú ngày 13/11/2025, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: ông Hoàng Lương B1, sinh năm 1977. Nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Bùi Văn Q, sinh năm 1983; địa chỉ: khu T, phường M, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

2. Anh Phạm Ngọc L2, sinh năm 1984; địa chỉ: khu A, phường M, tỉnh Quảng Ninh.

3. Anh Vũ Ngọc S, sinh năm 1992; địa chỉ: khu T, phường M, tỉnh Quảng Ninh.

4. Chị Nguyễn Hồng A, sinh năm 1999; địa chỉ: thôn X, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

- Người làm chứng:

1. Anh Hiên Văn S1; sinh năm 1987; địa chỉ: khu phố T, phường M, tỉnh Quảng Ninh.

2. Anh Mai Xuân H1; địa chỉ: thôn H, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

3. Anh Hoàng Văn T2; địa chỉ: thôn L, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

4. Chị Chảo Thị M; địa chỉ: thôn X, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

5. Anh Hoàng Văn T3; địa chỉ: thôn P, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

6. Anh Đinh Văn T4; địa chỉ: thôn D, xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

7. Chị Vương Thị H2; địa chỉ: thôn H, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

8. Anh Đặng Văn B2; địa chỉ: thôn T, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

9. Chị Hoàng Thị T5; địa chỉ: thôn X, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

10. Chị Hoàng Thị T6; địa chỉ: thôn X, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

11. Anh Nguyễn Văn C; địa chỉ: khu H, phường M, tỉnh Quảng Ninh.

12. Anh Nguyễn Văn H3; địa chỉ: khu H, phường M, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 05/11/2025, Hoàng Văn B thấy chiếc xuồng vỏ composite màu xanh dương, kích thước (5,7x1,85x0,8)m, lắp máy Yamaha 115HP (04 thì) của anh Hoàng Lương B1 ở trú tại thôn Đ, xã Đ) thường neo đậu ở cảng Đ thuộc thôn Đ, xã Đ không có ai trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền ăn tiêu, B gọi điện rủ Thi Văn T cùng trộm cắp chiếc xuồng này vào buổi tối, T đồng ý. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, B gọi điện cho Lê Văn L1 nói việc B đang có ý định đi trộm cắp máy xuồng và bảo L1 tìm người mua, L1 hỏi máy loại nào thì B nói máy dao động từ 90 HP đến 115 HP. Sau đó, L1 gọi điện cho anh Hiên Văn S1 ở phường M hỏi có biết chỗ nào mua máy xuồng không, anh S1 gọi điện hỏi anh Phạm Ngọc L2 thì anh L2 đồng ý mua.

Khoảng 19 phút cùng ngày, B và T ra cảng Đ thấy xuồng máy của anh B1 neo đậu ở đó (chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện) không có ai trông coi, cả hai đi về thôn X, xã Đ lấy 01 can xăng khoảng 20 lít mà B đã chuẩn bị từ trước, rồi quay lại cảng Đ lấy trộm xuồng. Lúc này B tháo dây neo, còn T lái xuồng đi về hướng phường M. Trên đường đi, B gọi điện thoại qua Z thông báo cho L1 biết đã lấy cắp được máy xuồng để hẹn gặp người mua, B chụp ảnh máy xuồng gửi cho L1, rồi L1 gửi ảnh cho anh S1 và S1 tiếp tục gửi ảnh cho anh L2 xem và đồng ý mua. Sau đó, anh S1, L2 và L1 cùng đi xuồng của anh L2 ra vùng biển thuộc khu phố Đ, phường M để gặp T và B. Tại đây, anh L2 sang xuồng của T hỏi máy xuồng đầu thì T chỉ vào máy xuồng đang lắp ở xuồng vừa trộm cắp được, T bảo cho cả vỏ xuồng vì không dùng đến nữa, anh L2 hỏi về nguồn gốc thì T nói là chiếc xuồng của T mua chung với người khác, nhưng giờ không có nhu cầu nên bán thì L2 không hỏi gì thêm. Sau đó, T và anh L2 thống nhất giá bán máy xuồng là 80.000.000 đồng, anh L2 sẽ chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng của L1 để trả cho T, do anh L2 không mua vỏ xuồng cũ nát nên T có nhờ anh L2 bỏ vỏ xuồng đi. Sau đó, anh L2 một mình lái chiếc xuồng vừa mua của T bỏ đi, còn T và B sang xuồng đi về bờ cùng với S1, L1. Tiếp theo, S1 lái xe ô tô chở L1, T, B về phòng trọ của L1 ở khu H, phường M. Tại đây, B, T, L1 thống nhất việc L1 nhận tiền công giúp bán máy xuồng là 10.000.000 đồng, còn lại 70.000.000 đồng T và B chia nhau, mỗi người 35.000.000 đồng. Sau đó, L1 chuyển khoản 20.000.000 đồng cho B (trong đó: 10.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của B, 10.000.000 đồng B nhờ chuyển vào tài khoản của chị Nguyễn Hồng A, sinh năm 1999, trú tại thôn X, xã Đ), còn 50.000.000 đồng chuyển cho T thì T bảo L1 chuyển khoản vào tài khoản của anh Mai Xuân H1 (sinh năm 1986, thường trú tại thôn H, xã Đ). Sau đó, cả nhóm đón taxi đi về xã Đ thì T, B đi về, còn L1 thì đi cùng xe taxi quay về phòng trọ tại phường M. Đến sáng ngày 06/11/2025, T liên lạc với B và chuyển khoản 15.000.000 đồng của B được chia còn lại vào tài khoản của chị Nguyễn Hồng A (chị Á đã đưa lại cho B), còn anh B1 sau khi phát hiện chiếc xuồng bị mất đã đến Công an xã Đ trình báo và ngày 06/11/2025, 11/11/2025, 13/11/2025 Thi Văn T, Hoàng Văn B, Lê Văn L1 lần lượt ra đầu thú.

Vào sáng ngày 06/11/2025, khi anh Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H3, Vũ Ngọc S đang trông bè ở khu vực biển Đ, phường M thì anh C thấy chiếc vỏ xuồng composite màu xanh dương (không gắn máy động cơ) trôi dạt trên biển không có ai nên đã kéo về bè của mình và bảo lại với anh H3 và anh S biết. Đến trưa ngày 09/11/2025, anh H3 không thấy ai đến tìm xuồng nên đã bảo anh S giao bán chiếc xuồng. Sau đó, anh S đã bán chiếc xuồng cho anh Bùi Văn Q (sinh năm 1989, thường trú tại khu phố T, phường M) với giá 18.000.000 đồng (chiếc xuồng này anh Q đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra ngày 10/11/2025).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 01/KL-/HĐĐGTS ngày 14/11/2025 và số 03/KL-/HĐĐGTS ngày 30/01/2026 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xã Đ, kết luận: 01 chiếc xuồng vỏ composite màu xanh dương, tay lái vô lăng, dài khoảng 5,7 m, rộng khoảng 1,85 m, xuồng đã cũ, tại thời điểm tháng 11/2025 có giá trị là 15.000.000 đồng; 01 động cơ máy xuồng loại động cơ 4 thì, nhãn hiệu YAMAHA, công suất 115 HP, chạy nhiên liệu xăng, máy đã cũ, tại thời điểm tháng 11 năm 2025 có giá trị là 120.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, hiện trường vụ trộm cắp ngày 05/11/2025 được xác định tại khu vực bến cảng Đ, thuộc thôn Đ, xã Đ. Hoàng Văn B, Thi Văn T và bị hại Hoàng Lương B1 xác định vị trí neo đậu chiếc xuồng phù hợp nhau.

Anh Bùi Văn Q đã giao nộp Cơ quan điều tra chiếc xuồng: vỏ làm bằng nhựa composite, màu xanh dương, dài 5,7 mét, rộng 1,85 mét, cao 0,8 mét. Thu giữ của Thi Văn T: 01 điện thoại di động Xiaomi Hyper OS POCO C75, thuê bao số 0978637544, 34.000.000 đồng, 01 chiếc áo, 01 chiếc quần; thu giữ của Lê Văn L1: 01 điện thoại di động Galaxy note20 uttra 5G, không gắn sim, 6.500.000 đồng; thu giữ của anh Hiên Văn S1: 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro Max, thuê bao số 0978234984; 3.500.000 đồng; thu giữ của Phạm Ngọc L2 01 ĐTDĐ Iphone 14 Pro max, 15.000.000 đồng; thu giữ của chị Nguyễn Hồng A số tiền 10.000.000 đồng; thu giữ của anh Vũ Ngọc S 18.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Hoàng Văn B, Thi Văn T, Lê Văn L1 khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Ngoài ra, B còn khai được chia 35.000.000 đồng, B đã trả nợ cho chị Nguyễn Hồng A 10.000.000 đồng, số còn lại đã tiêu hết, B không nói cho chị Á biết số tiền trên là do trộm cắp mà có. T khai được chia 35.000.000 đồng, T đã tiêu hết 1.000.000 đồng. L1 khai được chia 10.000.000 đồng, L1 đã chuyển khoản cho anh Hiên Văn S1 3.500.000 đồng tiền công tìm người mua máy xuồng, L1 không nói cho anh S1 biết chiếc máy xuồng là do B, T trộm cắp mà có.

Anh Phạm Ngọc L2 khai khi mua chiếc máy xuồng thấy chìa khóa điện ở xuồng vẫn còn ở ổ khóa, không có dấu vết cạy phá và đã hỏi T nguồn gốc nên anh đã tin tưởng mua, anh không biết tài sản đó do T trộm cắp mà có. Sau khi mua máy xuồng anh đã bán cho một người đàn ông Trung Quốc không quen biết với giá 95.000.000 đồng, việc thanh toán bằng tiền mặt, không có giấy tờ mua bán gì, sau khi nhận tiền anh giao cả máy và vỏ cho xuồng cho người đó.

Về vật chứng: 01 chiếc xuồng; 01 chiếc điện thoại di động Xiaomi Hyper OS POCO C75, thuê bao 0978637544, 01 chiếc áo, 01 chiếc quần của Thi Văn T;

01 chiếc điện thoại di động Galaxy Note Ultra 5G (không gắn thẻ sim) của Lê Văn L1 đã thu giữ chuyển Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, tỉnh Quảng Ninh theo quy định. Đối với số tiền thu giữ của Thi Văn T, Lê Văn L1, Hiên Văn S1, Phạm Ngọc L2, Nguyễn Hồng A, Vũ Ngọc S được gửi tại Kho bạc Nhà nước chờ xử lý theo quy định. 01 chiếc điện thoại di động Iphone 11 Pro Max, thuê bao số 0978234984; 01 chiếc điện thoại di động Iphone 14 Pro max, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Hiên Văn S1 và Phạm Ngọc L2.

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Văn B, Thi Văn T khai nhận hành vi trộm cắp chiếc xuồng của anh Hoàng Lương B1 neo ở cảng Đ xã Đ vào buổi tối ngày 05/11/2025. Bị cáo B đã gọi điện rủ bị cáo T đi trộm cắp xuồng. Sau khi trộm cắp chiếc xuồng của anh B1, T điều khiển xuồng cùng B đi về hướng M. Trên đường ra M, B gọi điện cho L1 thông báo đã lấy cắp được máy xuồng để hẹn gặp người mua. Do B đã nhờ L1 tìm người mua máy xuồng là L2, khi gặp nhau trên biển T và L2 thống nhất bán máy xuồng giá 80 triệu đồng. Do anh L2 không mua vỏ xuồng cũ nên T nhờ anh Long V bỏ vỏ xuồng đi. Bị cáo B, T tự nguyện bồi thường trả cho anh B1 mỗi người số tiền 15.000.000 đồng.

Bị cáo Lê Văn L1 khai phù hợp lời khai hai bị cáo B, T thể hiện: khoảng 14 giờ ngày 05/11/2025, bị cáo B gọi điện cho bị cáo nói “đang có ý định đi trộm cắp máy xuồng, nhờ bị cáo tìm người mua”. Đến tối cùng ngày, B gọi điện thông báo cho bị cáo đã lấy trộm được máy xuồng để hẹn gặp người mua. Bị cáo gọi điện hỏi người mua xuồng, sau đó anh L2, B, T đã gặp nhau trên biển khu vực M thống nhất mua máy xuồng giá 80 triệu đồng. Bị cáo được chia 10 triệu đồng là tiền công giúp gọi người mua máy xuồng trộm cắp. Bị cáo còn cho anh S1 số tiền 3.500.000 đồng. Bị cáo tự nguyện bồi thường cho anh B1 số tiền 10.000.000 đồng.

- Tại phiên tòa bị hại anh Hoàng Lương B1 khai: vào khoảng 16 giờ 00 ngày 05/11/2025, sau khi đi xuồng về và neo đậu ở góc cảng Đ, anh để khóa khởi động máy động cơ ở trên xuồng, không có người trông coi xuồng. Đến khoảng 07 giờ 00 ngày 06/11/2025, anh phát hiện chiếc xuồng đã bị kẻ gian trộm cắp. Trên xuồng không có đồ vật, tài sản gì khác. Chiếc xuồng bị trộm cắp có vỏ làm bằng nhựa composite, màu sơn: xanh dương đậm, dài khoảng 5,7 mét, rộng khoảng 1,85 mét, cao khoảng 0,8 mét mua vào khoảng tháng 9 năm 2025 của anh Hoàng Văn T3, thường trú tại thôn P, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh với giá 42.000.000 đ (bốn mươi hai triệu đồng). Khi mua không có giấy tờ mua bán, hóa đơn chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ. Đến khoảng giữa tháng 10 năm 2025, anh mua máy xuồng (loại máy đã qua sử dụng, nhãn hiệu YAMAHA, công suất 115HP, màu sơn: xám) tại cửa hàng T8 của anh Hoàng Văn T2 với giá 130.000.000 đ (một trăm ba mươi triệu đồng) để về lắp vào xuồng, khi mua bán có hóa đơn viết tay. Anh yêu cầu bị cáo T, B, L1 bồi thường.

- Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai:

Anh Phạm Ngọc L2 khai: khi anh S1 nói tìm người mua máy xuồng thì không nói nguồn gốc máy do đâu mà có. Khi giao dịch mua máy xuồng của T, anh có hỏi nguồn gốc máy xuồng thì T nói là máy của T mua chung với người khác giờ

không cần dùng nên bán đi. Anh không biết chiếc máy xuồng là tài sản do trộm cắp mà có. Khi mua được máy xuồng giá 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) anh đã bán cho một người Trung Quốc không rõ thông tin, lai lịch, địa chỉ với giá 95.000.000đ (chín mươi lăm triệu đồng). Số tiền lãi do việc bán máy xuồng là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), anh đã giao nộp cho Cơ quan điều tra cùng chiếc điện thoại anh sử dụng để liên lạc.

Anh Vũ Ngọc S khai: sau khi được anh C cho biết có nhặt được chiếc vỏ xuồng trôi dạt trên biển và nhờ tìm người mua thì đến ngày 09/11/2025 đã bán cho anh Bùi Văn Q với số tiền 18.000.000đ (mười tám triệu đồng). Anh S không biết chiếc xuồng đó là tài sản trộm cắp, không có quan hệ, quen biết gì với T, B, L1, L2, S1. Anh S đã giao nộp lại số tiền 18.000.000đ do bán xuồng cho Cơ quan điều tra. Anh đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho anh số tiền 18.000.000 đồng.

Anh Bùi Văn Q khai: ngày 09/11/2025, anh có mua 01 chiếc vỏ xuồng của anh S giá 18.000.000đ (mười tám triệu đồng), anh Q không biết nguồn gốc chiếc xuồng là tài sản do trộm cắp mà có. Anh Q đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra chiếc xuồng trên. Anh yêu cầu Hội đồng xét xử trả lại anh số tiền 18.000.000 đồng.

Quá trình điều tra chị Nguyễn Hồng A khai: chị có quen biết B và B còn nợ chị 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) từ khoảng tháng 10 năm 2025. Đến sáng ngày 06/11/2025, B gọi điện thoại báo chị là sẽ chuyển tiền vào tài khoản, chị đồng ý. Chị đã kiểm tra tin nhắn Zalo thì còn có tin nhắn của B với nội dung là trả trước 10.000.000đ (mười triệu đồng), còn 5.000.000đ (năm triệu đồng) mấy hôm nữa trả nốt. Chị kiểm tra tài khoản thấy có tài khoản tên: "LE VAN LINH" chuyển vào tài khoản của chị 10.000.000đ (mười triệu đồng) vào 22 giờ ngày 05/11/2025. Sau đó đến khoảng 11 giờ cùng ngày, chị Á kiểm tra tài khoản thì thấy đã có tài khoản tên: "THI VAN THUAN" chuyển cho chị 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) và B nhắn tin qua Z hỏi xem đã nhận được tiền chưa thì chị nhắn tin lại là đã nhận được rồi. Sau đó, chị đi rút tiền mặt đưa cho B. Chị không quen biết T và L1, không biết được nguồn gốc số tiền B trả nợ chị và số tiền B nhờ chị rút ra để lấy tiền mặt là do B trộm cắp tài sản mà có. Chị đã nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) B trả nợ cho chị.

- Những người làm chứng khai:

Anh Hoàng Văn T3 khai: nguồn gốc chiếc xuồng anh T3 bán cho anh B1 là do vào khoảng đầu tháng 9 năm 2025, anh T3 nhặt được xuồng bị hư hỏng, trôi dạt trên biển, không rõ nguồn gốc, đã lấy về sửa chữa lại để sử dụng, đến khoảng giữa tháng 9 năm 2025 thì bán lại cho anh B1 với giá 42.000.000đ (bốn mươi hai triệu đồng), không có giấy tờ mua bán.

Anh Hoàng Văn T2 khai: nguồn gốc chiếc động cơ máy xuồng đã bán cho anh B1 (loại máy đã qua sử dụng, nhãn hiệu YAMAHA, động cơ 4 thì, công suất 115 HP, màu sơn: xám, năm sản xuất in trên vỏ máy là 2009) do anh mua lại của một người đàn ông mang đến cửa hàng vào khoảng tháng 08 năm 2025 với giá 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) không còn giấy tờ mua bán và

không có giấy tờ của máy kèm theo. Anh không nhớ người bán là ai. Sau đó, đến khoảng tháng 09 năm 2025, anh bán chiếc động cơ máy xuồng cho anh B3 với giá 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng). Khi mua bán có hóa đơn viết tay.

Anh Hiền Văn S1 có lời khai phù hợp nội dung lời khai bị cáo L1. Khi L1 nhờ anh tìm người mua giúp máy xuồng thì không nói nguồn gốc máy như thế nào và cũng không hứa hẹn trả tiền công cho anh. Anh cũng không biết được chiếc máy xuồng của T bán cho anh L2 là do trộm cắp mà có. Sau khi bán được máy xuồng thì L1 có cho anh 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng). Anh đã giao nộp lại cho cơ quan điều tra số tiền trên cùng chiếc điện thoại anh sử dụng để liên lạc.

Anh Mai Xuân H1: vào khoảng 20 giờ 53 phút ngày 05/11/2025, T gọi điện thoại bảo tài khoản của T đang không nhận được tiền và bảo anh gửi thông tin tài khoản để T nhờ người gửi tiền vào, sáng mai chuyển tiền lại cho T. Sau đó khoảng 10 phút thì có tài khoản tên "Le Van L3" chuyển vào tài khoản của anh 50.000.000 đ (năm mươi triệu đồng). Đến khoảng 23 giờ 12 phút cùng ngày thì T có gọi điện thoại cho anh bảo đến đón T ở khu vực đầu đường vào cao tốc Đàm H4 và chở về nhà T. Đến khoảng 08 giờ 35 phút ngày 06/11/2025, anh gọi điện thoại cho T bảo nhấc số tài khoản của T để chuyển tiền và sẽ trừ 200.000 đ tiền xe taxi chở T về nhà hôm qua, T đồng ý. Sau đó anh đã chuyển 49.800.000đ (bốn mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng) vào tài khoản của T.

Anh Nguyễn Văn C khai: vào đêm ngày 06/11/2025 khi đang trông bè ở khu vực biển Đ, phường M, tỉnh Quảng Ninh thì phát hiện có vỏ xuồng đang trôi dạt từ ngoài biển nên đã kéo vào rồi gọi cho anh Nguyễn Văn H3 và anh Vũ Ngọc S biết. Đến ngày 09/11/2025, không thấy ai lại nhận chiếc xuồng nên anh bảo anh S giao bán xem có ai mua không, đến trưa ngày 09/11/2025 anh S bán chiếc xuồng trên cho Bùi Văn Q với giá 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng). Anh không biết chiếc xuồng đó là tài sản trộm cắp, không có quan hệ, quen biết gì với T, B, L3, L2, S1.

Anh Nguyễn Văn H3 khai: anh được anh C cho biết việc nhặt được chiếc vỏ xuồng trôi dạt trên biển và nhờ anh H3, anh S tìm người mua lại.

Anh Đinh Văn T4 khai: vào khoảng 09 giờ 50 phút ngày 06/11/2025, có 01 nam thanh niên đến cắt tóc và trả 50.000 đ (năm mươi nghìn đồng) qua hình thức chuyển khoản từ số tài khoản 104883065579, Ngân hàng V1 tên "THI VAN THUAN" đến số tài khoản 102876117146, Ngân hàng V1 của anh T4. Anh không biết người đến cắt tóc là ai và không biết nguồn gốc số tiền do đâu mà có.

Chị Hoàng Thị T5 khai: vào khoảng 10 giờ 58 phút ngày 06/11/2025, T có đến cửa hàng nhà chị mua 200.000 đ (hai trăm nghìn đồng) tiền rượu và trả tiền bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản số 8888982387402, Ngân hàng A của chị. Tiếp đó đến khoảng 12 giờ 59 phút cùng ngày, T có đến cửa hàng mua bánh kẹo và trả 52.000 đ (năm mươi hai nghìn đồng) tiền bánh kẹo và cũng trả tiền bằng hình thức chuyển khoản. Chị có biết T, không có mâu thuẫn gì với T, không biết nguồn gốc số tiền của T từ đâu mà có.

Anh Đặng Văn B2 khai: khoảng giữa năm 2025, B có nợ anh 4.000.000 đ (bốn triệu đồng), đến trưa ngày 06/11/2025, B có gọi điện thoại cho anh nói sẽ nhờ người khác chuyển 4.000,000 đ (bốn triệu đồng) vào tài khoản để trả nợ. Đến khoảng 12 giờ 48 phút cùng ngày thì có tài khoản tên “NGUYEN HONG AI” chuyển tiền vào tài khoản của anh. Anh không biết số tiền B trả nợ cho anh là do trộm cắp mà có.

Bản Cáo trạng số: 35/CT-VKS ngày 12/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh đã truy tố Hoàng Văn B, Thi Văn T7, Lê Văn L1 tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn B từ 4 năm 06 tháng đến 4 năm 09 tháng tù, thời hạn từ ngày 11/11/2025.

Xử phạt bị cáo Thi Văn T từ 3 năm 06 tháng đến 3 năm 09 tháng tù, thời hạn từ ngày 06/11/2025.

Xử phạt bị cáo Lê Văn L1 từ 30 tháng tù đến 33 tháng tù, thời hạn từ ngày 13/11/2025.

Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Xiaomi Hyper OS POCO C 75 của Thi Văn T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy Note Ultra 5 G, màu đen của Lê Văn L1.

Trả cho anh Hoàng Lương B1: 01 chiếc vỏ xuống bằng nhựa compoxit, màu sơn xanh, dài 5,7 m, rộng 11,85 m, cao 0,8 m.

Trả lại cho anh: Bùi Văn Q số tiền 18.000.000 đ, trả lại cho anh Phạm Ngọc L2 số tiền 15.000.000 đ.

Tịch thu tiêu hủy: 01 sim điện thoại, thuê bao 0978637544, 01 chiếc áo, 01 chiếc quần của Thi Văn T;

Về bồi thường dân sự: căn cứ Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự. Các bị cáo Hoàng Văn B, Thi Văn T, Lê Văn L1 liên đới bồi thường cho anh Hoàng Lương B1 số tiền 120.000.000 đồng. Trong đó, bị cáo B đã bồi thường cho anh B1 tại Thi hành án dân sự khu vực 4- Quảng Ninh số tiền 25.000.000 đồng ngày 20/3/2026, chị Á đã giao nộp số tiền 10.000.000 đ là tiền bán tài sản bị cáo B trộm cắp được. Bị cáo Thi Văn T đã nộp số tiền 34.000.000 đồng trong quá trình điều tra (anh Bùi Văn M1 là cựu ruột bị cáo T đã trả 1.000.000 đ cho anh B1 trước khi mở phiên tòa). Bị cáo Lê Văn L1 đã nộp Cơ quan điều tra số tiền 6.500.000 đồng, anh Hiên Văn S1 nộp Cơ quan điều tra số tiền 3.500.000 đồng. Số tiền còn lại các bị cáo phải bồi thường cho anh B1 là 40.000.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo thỏa thuận bồi thường tiếp cho anh B1 như sau: bị cáo Hoàng

Văn B bồi thường số tiền 15.000.000 đồng, bị cáo Thi Văn T bồi thường số tiền 15.000.000 đồng, bị cáo Lê Văn L1 bồi thường số tiền 10.000.000 đồng.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Ba bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Quảng Ninh; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa ba bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Văn B, Thi Văn T, Lê Văn L1 khai phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng; phù hợp lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở kết luận: khoảng 19 giờ ngày 05/11/2025, tại cảng Đ thuộc thôn Đ, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Lợi dụng sự sơ hở của ông Hoàng Lương B1, Hoàng Văn B và Thi Văn T có hành vi lén lút trộm cắp chiếc xuồng composite màu xanh dương, gắn động cơ nhãn hiệu YAMAHA, công suất 115 HP của anh Hoàng Lương B1, có tổng giá trị là 135.000.000 đồng. Trước khi B và T trộm cắp xuồng, Lê Văn L1 tiếp nhận ý chí của B, nhận sẽ giúp B liên hệ tìm người mua máy xuồng trộm cắp và được chia số tiền 10.000.000 đồng từ hành vi trộm cắp tài sản.

Hành vi nêu trên của bị cáo Hoàng Văn B, Thi Văn T, Lê Văn L1 đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”...

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo nhận thức được việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Lợi dụng sơ hở của ông Hoàng Lương B1, bị cáo Hoàng Văn B và Thi Văn T có hành vi lén lút trộm cắp chiếc xuồng composite màu xanh dương, gắn động cơ nhãn hiệu YAMAHA, công suất 115 HP của anh Hoàng Lương B1, có tổng giá trị là 135.000.000 đồng. Trước khi B và T trộm cắp máy xuồng, Lê Văn L1 đã tiếp nhận ý chí của B, nhận sẽ giúp B liên hệ tìm người mua máy xuồng khi trộm cắp được và được chia số tiền 10.000.000 đồng từ hành vi trộm cắp tài sản. Do đó, ba bị cáo bị truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Việc đưa các bị cáo ra xét xử là cần thiết, đáp ứng yêu cầu phòng, chống các tội phạm xâm phạm đến sở hữu công dân trong tình hình hiện nay. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[3]. Về vai trò các bị cáo trong vụ án: đây là vụ án có đồng phạm giản đơn. Bị cáo Hoàng Văn B là người khởi xướng, trực tiếp tham gia trộm cắp, trực tiếp liên hệ với L1 tìm người mua máy xuồng trộm cắp, bị cáo có tiền án chưa được xóa án tích nên giữ vai trò đầu trong vụ án. Tiếp theo là bị cáo Thi Văn T: tiếp nhận ý chí của bị cáo B, có nhân thân xấu, đã bị Tòa án xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, trực tiếp cùng B tham gia trộm cắp, trực tiếp lái máy xuồng mang đi bán. Giữ vai trò sau cùng trong vụ án là bị cáo Lê Văn L1: tiếp nhận ý chí của bị cáo B, trực tiếp giúp B đi tìm người bán máy xuồng, được chia tiền từ việc bán máy xuồng trộm cắp.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: ngày 22/8/2011, bị cáo Hoàng Văn B bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 09 (chín) năm tù về tội “Mua bán người” và 10 (mười năm) tù về tội “Mua bán trẻ em”. Bị cáo chưa chấp hành xong phần dân sự. Bị cáo B chưa được xóa án tích nay lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Hai bị cáo Thi Văn T, Lê Văn L1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa, ba bị cáo khai báo thành khẩn, có thái độ ăn năn hối cải; sau khi thực hiện hành vi trộm cắp, ba bị cáo ra đầu thú. Bị cáo Hoàng Văn B đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 25.000.000 đồng tại Thi hành án dân sự khu vực 4- Q. Bị cáo T, L1 đã tự nguyện nộp lại số tiền bán tài sản do trộm cắp cho Cơ quan điều tra để trả cho bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử thấy: cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho ba bị cáo để các bị cáo yên tâm cải tạo sau trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): ba bị cáo không có việc làm, không có

thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng trong vụ án: trong quá trình điều tra anh Bùi Văn Q giao nộp Cơ quan điều tra 01 chiếc xuống làm bằng nhựa comboxit, màu sơn xanh, dài 5,7 m, rộng 11,85 m, cao 0,8 m. Chiếc xuống là tài sản của anh Hoàng Lương B1 bị B, T trộm cắp ngày 05/11/2025 nên trả lại cho bị hại anh Hoàng Lương B1.

Cơ quan điều tra thu giữ của Thi Văn T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Hyper O S POCO C 57, màu đen, gắn sim thuê bao 0978637544; thu giữ của Lê Văn L1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy Note 20 Ultra 5 G, màu đen. Hai chiếc điện thoại này, hai bị cáo đã dùng liên lạc bán máy xuống nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số thuê bao 0978637544 của Thi Văn T.

Thu giữ của T: 01 áo khoác dài tay, 01 quần dài thể thao. Đây là tài sản của bị cáo T. Bị cáo không lấy lại tài sản và đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

Quá trình điều tra chị Nguyễn Hồng A đã nộp lại số tiền 10.000.000 đồng do bị cáo B nhờ Lê Văn L1 gửi vào tài khoản của chị Á để trả nợ cho bị cáo B. Đây là số tiền do phạm tội mà có do bị cáo B nhờ Lê Văn L1 chuyển vào tài khoản của Á trả nợ cho B. Bị cáo Lê Văn L1 nộp số tiền 6.500.000 đ, Hiền Văn S1 nộp số tiền 3.500.000 đ, Thi Văn T nộp số tiền 34.000.000 đ. Toàn bộ số tiền trên là tiền các bị cáo được chia khi bán xuống cho anh Phạm Hồng L4 được nộp gửi giữ tại Kho bạc Nhà nước cần trả lại cho bị hại anh Hoàng Lương B1.

[7] Về trách nhiệm dân sự: tại phiên tòa anh Hoàng Lương B1 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc máy xuống bị mất chưa thu hồi được là 120.000.000 đ. Tại phiên tòa xác định:

Ngày 20/3/2026, bà Đỗ Thị L mẹ bị cáo B đã tự nguyện nộp số tiền 25.000.000 đồng bồi thường cho bị hại. Chị Nguyễn Hồng A đã lại nộp số tiền 10.000.000 đồng, đây là số tiền do phạm tội mà có do bị cáo B nhờ Lê Văn L1 chuyển vào tài khoản của Á trả nợ cho B. Bị cáo Lê Văn L1 nộp số tiền 6.500.000 đ, anh Hiền Văn S1 nộp số tiền 3.500.000 đ, bị cáo Thi Văn T nộp số tiền 34.000.000 đ. Trước khi mở phiên tòa, anh Bùi Văn M1 là cậu ruột bị cáo T đã bồi thường cho anh B1 số tiền 1.000.000 đồng.

Tổng số tiền ba bị cáo, chị Á, anh S1 nộp lại là 79.000.000 đ. Toàn bộ số tiền 79.000.000 đ sẽ được bồi thường cho bị hại anh Hoàng Lương B1 (Cơ quan điều tra đã gửi giữ tại Kho bạc Nhà nước). Số tiền 1.000.000 đồng anh Bùi Văn M1 là cậu ruột bị cáo T đã bồi thường cho anh B1. Số tiền các bị cáo còn phải bồi thường cho anh Hoàng Lương B1 là 40.000.000 đ (bốn mươi triệu đồng). Tại phiên tòa, ba bị cáo thỏa thuận bồi thường cho anh Hoàng Lương B1 như sau: bị cáo Hoàng Văn B bồi thường số tiền 15.000.000 đồng, bị cáo Thi Văn T bồi thường số tiền 15.000.000 đồng, bị cáo Lê Văn L1 bồi thường số tiền 10.000.000 đồng. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường này của các bị cáo với anh Hoàng Lương B1.

- Quá trình điều tra anh Phạm Hồng L4 giao nộp Cơ quan điều tra số tiền 15.000.000 đ hưởng lợi từ việc bán xuống. Hội đồng xét xử thấy: việc anh L4 và bị cáo T mua bán máy xuống là thỏa thuận dân sự, anh L4 không biết máy xuống mua là do phạm tội mà có. Vì vậy, số tiền 15.000.000 đ cần trả lại cho anh Phạm Hồng L4.

- Đối với việc anh Bùi Văn Q mua vỏ xuống của anh Vũ Ngọc S số tiền 18.000.000 đ. Anh S đã giao nộp Cơ quan điều tra số tiền này. Hội đồng xét xử thấy: việc anh S và anh Q mua bán vỏ xuống là thỏa thuận dân sự, anh Q không biết vỏ xuống của anh Hoàng Lương B1 bị mất trộm. Do đó, số tiền 18.000.000 đ này cần được trả lại anh Bùi Văn Q.

[8] Vấn đề khác: liên quan trong vụ án có anh Hiên Văn S1 là người Linh liên hệ để nhờ tìm người mua máy xuống, anh Phạm Ngọc L2 là người mua máy xuống, nhưng cả hai không biết máy xuống là tài sản do phạm tội mà có; chị Nguyễn Hồng A, anh Mai Xuân H1 không biết nguồn gốc số tiền được chuyển vào tài khoản là tiền bán tài sản do trộm cắp mà có; anh Vũ Ngọc S và anh Nguyễn Văn H3 có giao dịch mua bán chiếc xuống, nhưng không biết đó là tài sản bị trộm cắp nên không đề cập xử lý.

[9] Về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo: ba bị cáo phải nộp án phí hình sự, dân sự theo quy định của pháp luật. Ba bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Hoàng Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt Hoàng Văn B: 39 (ba mươi chín) tháng tù, thời hạn tù từ ngày bắt 11/11/2025.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Thi Văn T, Lê Văn L1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt Thi Văn T: 33 (ba mươi ba) tháng tù, thời hạn tù từ ngày bắt 06/11/2025.

Xử phạt Lê Văn L1: 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù từ ngày bắt 13/11/2025.

Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 sim điện thoại, thuê bao 0978637544, 01 chiếc áo, 01 chiếc quần của Thi Văn T;

Trả lại anh Hoàng Lương B1 01 chiếc xuống bằng nhựa comboxit, màu sơn xanh, dài 5,7 m, rộng 1,85 m, cao 0,8 m.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Hyper OS POCO C75, màu đen của Thi Văn T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy Note 20 Ultra 5 G, màu đen của Lê Văn L1.

Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 36/BB-THA/KV4 ngày 12/02/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Quảng Ninh.

Trả lại anh Phạm Ngọc L2 số tiền 15.000.000 đ (mười lăm triệu đồng); và anh Bùi Văn Q số tiền 18.000.000 đ (mười tám triệu đồng)

Trả cho anh Hoàng Lương B1 số tiền 79.000.000 đ (bảy mươi chín triệu đồng) trong số tiền gửi giữ tại Kho bạc Nhà nước.

Toàn bộ số tiền được gửi giữ tại Phòng Giao dịch số 17 – Kho bạc Nhà nước khu vực III theo Biên bản giao nhận tài sản số 16/BBBG PGD 17- KBNNKV III giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q và Phòng G- Kho bạc Nhà nước khu vực III và Biên lai thu tiền số 0000370 ngày 20/3/2026 do bà Đỗ Thị L là mẹ bị cáo Hoàng Văn B nộp tiền bồi thường khắc phục hậu quả tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Về nghĩa vụ bồi thường: căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Bị cáo Hoàng Văn B có nghĩa vụ bồi thường cho anh Hoàng Lương B1 số tiền 15.000.000 đ (mười lăm triệu đồng).

Bị cáo Thi Văn T có nghĩa vụ bồi thường cho anh Hoàng Lương B1 số tiền 15.000.000 đ (mười lăm triệu đồng).

Bị cáo Lê Văn L1 có nghĩa vụ bồi thường cho anh Hoàng Lương B1 số tiền 10.000.000 đ (mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền trên cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí và quyền kháng cáo: căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1, 4 Điều 331; khoản 1, 3 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hoàng Văn B, Thi Văn T, Lê Văn L1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Hoàng Văn B, Thi Văn T mỗi bị cáo phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 750.000 đ (bảy trăm lăm mươi nghìn đồng); bị cáo Lê Văn L1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 500.000 đ (năm trăm nghìn đồng).

Ba bị cáo; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Nguyễn Hồng A vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7 b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Viện KSND khu vực 4;
- Viện KSND tỉnh Quảng Ninh;
- Phòng PV 06 - CAT Quảng Ninh;
- Trại tạm giam CAT Quảng Ninh;
- Phòng THADSKV 4 ;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Hùng